

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
4	Đường Độc Lập (đường Vòng Sân Bay)(Phần đất thuộc Phường Long Phước)	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,00
5	Đường vào nghĩa trang nhân dân Phước Bình	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Cổng nghĩa trang	1,00
6	Đường Nội Ô Trung tâm TM Phước Bình	Toàn tuyến		1,00
7	Đường số 12 - Khu 6 (Sau lưng trung tâm thương mại Phước Bình)	Toàn tuyến		1,00
8	Đường Đặng Văn Ngữ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Độc Lập	1,00
9	Đường Lê Văn Sỹ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Độc Lập	1,00
10	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Mai Chí Thọ	Giáp đường Độc Lập	1,00
11	Đường Đoàn Đức Thái	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp đường Nơ Trang Long	1,00
12	Đường Điều Ong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	1,00
13	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Độc Lập	1,00
14	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Tất Thành	1,00
15	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	Đường Lê Anh Xuân	1,00
16	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Mai Chí Thọ	Đường Lý Thường Kiệt	1,00
17	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	1,20
18	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Tất Thành	1,00
19	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	1,00
20	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Độc Lập	1,00
21	Đường Bế Văn Đàn	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Độc Lập	1,00
22	Đường Lê Văn Tám	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Độc Lập	1,00
23	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH Trung tâm hành chính và ĐTM	1,00
24	Đường Phan Đình Giót	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Độc Lập	1,00
25	Đường Mai Chí Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
26	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Trãi	1,00
27	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
28	Đường Phùng Khắc Khoan	Giao lộ đường Nguyễn Văn Linh - Lý Thường Kiệt	Giao lộ đường Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt	1,00
29	Đường Hà Huy Tập	Đường Đoàn Đức Thái	Hết tuyến	1,00
30	Đường Lý Thường Kiệt	Giao lộ Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt	Giao lộ đường Nguyễn Văn Linh - Lý Thường Kiệt	1,00
31	Đường Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
32	Đường Nguyễn Duy Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
33	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
34	Đường Nơ Trang Long	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Đức Thái	1,20
35	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
36	Đường Kha Vạn Cân	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
37	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Văn Linh	1,10
38	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Kiệt	1,00
39	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Điều Ong	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Lê Văn Sỹ	1,00
41	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	1,20
42	Đường Tổ Hữu	Phạm Hùng	Đường Độc Lập	1,00
43	Đường Tô Ngọc Vân	Đường Lê Anh Xuân	Hết tuyến	1,00
44	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	1,00
45	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	1,20
46	Đường Hoài Thanh	Đường Lê Anh Xuân	Hết tuyến	1,00
47	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Lê Văn Sỹ	1,00
48	Đường Đường NB1	Toàn tuyến		1,00
49	Đường Đường NB2	Toàn tuyến		1,00
50	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Thị Hồng Gấm	1,00
51	Đường Nguyễn Thái Học (Đường đi Suối Minh)	Ngã ba Nguyễn Thái Học - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh nhà bà Ngô Thị Mộng	1,00
		Giáp ranh nhà bà Ngô Thị Mộng	Giáp ranh xã Bình Tân (H.Phú Riềng)	1,00
53	Đường Võ Văn Kiệt (Tập Đoàn 7, phần đất thuộc phường Long Phước)	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH khu tái định cư	1,00
		Hết ranh QH khu tái định cư	Giáp ranh xã Long Giang	1,00
54	Đường Nội Ô khu 6-7-8	Toàn tuyến		1,00
55	Đường Nội Ô khu 9	Toàn tuyến		1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VII	PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH			
1	Nguyễn Tất Thành (ĐT 741)	Giáp đường Thống Nhất (vòng xoay)	Ngã ba vòng xoay + 200m về hướng Bù Nho	1,10
		Ngã ba vòng xoay + 200m về hướng Bù Nho	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học (nông trường 4)	1,10
		Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Thái Học	Hết ranh nhà ông Bùi Văn Ngọc, Khu phố Phước Trung	1,05
		Hết ranh nhà ông Bùi Văn Ngọc, Khu phố Phước Trung	Giáp ranh xã Bình Tân (H.Phú Riêng)	1,10
2	Thống Nhất (ĐT 759)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (ngã ba cơ khí chế biến cao su)	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay)	1,20
		Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay)	Ngã ba đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	1,10
		Ngã ba đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	Hết ranh UBND phường Phước Bình	1,10
		Hết ranh UBND phường Phước Bình	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng	1,10
		Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng	Đường Vành Đai 2	1,20
		Đường Vành Đai 2	Đường Xóm Huế	1,20
		Đường Xóm Huế	Giáp ranh xã Phước Tín	1,20
3	Độc Lập (đường Vòng Sân Bay)(Phần đất thuộc Phường Phước Bình)	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,00
4	Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	Toàn tuyến		1,00
5	Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình	Toàn tuyến		1,00
6	Lê Trọng Tấn (Đường đi Đăk Ton khu phố Phước An)(phía phường Phước Bình)	Ngã 3 giáp đường Độc Lập	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền	1,10
		Đoạn còn lại		1,10
7	Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Giáp đường Thống Nhất	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng	1,20
8	Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục	1,20
		Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục	Hết tuyến	1,20

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
9	Đường Xóm Huế	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m	1,10
		Giáp đường Thống Nhất + 350m	Hết tuyến	1,10
10	Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m	1,10
		Giáp đường Thống Nhất + 350m	Hết tuyến	1,10
11	Thành Thái (Đường Đập Đăk Tol - Khu Phước Vĩnh)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m	1,20
		Giáp đường Thống Nhất + 350m	Giáp đường Thống Nhất + 900m	1,20
12	Vành Đai 2	Toàn tuyến		1,20

4. HUYỆN CHƠN THÀNH

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN CHƠN THÀNH			
1	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mỏi	1,00
		Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mỏi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	1,00
		Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	1,00
		Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	1,00
		Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3)	1,00
		Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3)	Ranh giới xã Minh Hưng	1,00
		Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	1,00
		Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ	1,00
		Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng KP7	1,00
		Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng KP7	Ranh giới xã Thành Tâm	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường Nguyễn Huệ - ĐT 751 (Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đôi	1,00
		Cầu Suối Đôi	Cầu Bàu Bàng	1,00
		Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (đường vào bệnh viện huyện)	1,00
		Đường Phạm Ngọc Thạch (đường vào bệnh viện huyện)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (Thửa số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa số 2 tờ bản đồ số 42)	1,00
		Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (Thửa số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa số 2 tờ bản đồ số 42)	Ranh giới xã Minh Thành	1,00
		Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND thị trấn Chơn Thành	1,00
		Hết ranh UBND thị trấn Chơn Thành	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào VP KP 4	1,00
		Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào VP KP 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	1,00
		Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,00
3	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành- Minh Long	1,00
		Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - QL 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	1,00
		Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	1,00
		Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Đến ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	1,00
		Đến ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 2 tháng 4 (Cách HLBVĐB - QL 13: 25m)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
4	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (ĐT 751)	Phía Đông: Đến đường tổ 1 KP3 (Hết thửa đất số 84 tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đến đường bê tông (Hết thửa đất số 44 tờ bản đồ số 79)	1,00
		Phía Đông: Đến đường tổ 1 KP3 (Hết thửa đất số 84 tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đến đường bê tông (Hết thửa đất số 44 tờ bản đồ số 79)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	1,00
		Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 2 tháng 4 (Hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45 tờ bản đồ số 60	1,00
		Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 2 tháng 4 (Hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45 tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106 tờ bản đồ số 12)	1,00
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106 tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Thế Hiển	1,00
		Ngã tư đường Phạm Thế Hiển	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa số 29 tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 49	1,01
5	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVDB - Đường 2 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 15 tờ bản đồ 72)	1,00
		Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 15 tờ bản đồ 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	1,00
6	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		1,05
7	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		1,05
8	Đường Nguyễn Văn Linh	TTHC huyện Chơn Thành	Đường Phan Đình Phùng (N9)	1,05
		Đường Phan Đình Phùng (N9)	Ngã tư đường Cao Bá Quát	1,05
9	Đường Phan Đình Giót (N1)	Toàn tuyến		1,11
10	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		1,05



Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
11	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện	Toàn tuyến		1,05
12	Đường Hồ Chí Minh	Ranh giới xã Minh Thành	Ranh giới xã Thành Tâm	1,10
13	Đường Phước Long (đường N3 cũ)	Đường 02 tháng 4	Hết đất nhà ông Trần Dũng	1,00
14	Đường Phú Riêng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Kp 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) thửa số 69 tờ số 34	1,00
		Ngã ba đường tổ Kp 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) thửa 69 tờ 34	Cổng Gò Mạc (Ranh giới TT Chơn Thành và xã Thành Tâm)	1,00
15	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4 tờ bản đồ số 86	1,00
		Ngã tư hết thửa đất số 4 tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	1,00
16	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, ấp Hiếu Cầm)	Đường Nguyễn Huệ (QL14)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa 209 tờ 28)	1,00
		Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa 209 tờ 28)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	1,00
		Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	1,00
		Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	1,00
17	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa 282 và 279 tờ bản đồ số 20)	1,00
		Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa 282 và 279 tờ bản đồ số 20)	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142 tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa số 158 tờ bản đồ số 20	1,00
		Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142 tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa số 158 tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn (đường sỏi đỏ khu phố Trung Lợi cũ)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
18	Đường Lê Duẩn (Đường sỏi đỏ, khu phố Trung Lợi)	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 325 tờ bản đồ số 20	1,00
		Ngã tư hết thửa đất số 325 tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372 tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa số 143 tờ bản đồ số 13	1,00
		Phía Đông: Giáp thửa đất số 372 tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa số 143 tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99 tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa số 100 tờ bản đồ số 3)	1,00
		Phía Đông: Giáp thửa đất số 99 tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa số 100 tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	1,00
19	Đường Ngô Tất Tố (Đường ấp 2, TT thị trấn Chơn Thành đi Minh Hưng)	Đầu thửa số 39 tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	1,00
20	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	1,10
		Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới xã Minh Thành	1,10
		Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba tổ 9 -10 ấp 3	1,10
		Ngã ba tổ 9 -10 ấp 3	Giáp ranh xã Minh Long	1,10
21	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 ấp 3, thị trấn Chơn Thành)	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 -10 ấp 3	1,00
		Ngã tư đường tổ 9 -10 ấp 3	Giáp ranh xã Minh Long	1,00
22	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6 KP 8 (Hết ranh đất văn phòng KP4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất 173 tờ bản đồ số 82	1,00
		Phía Bắc: Ngã ba tổ 6 KP 8 (Hết ranh đất văn phòng KP4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất 173 tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa số 4 tờ bản đồ số 25	1,00
		Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa số 4 tờ bản đồ số 25	Ranh giới xã Minh Long	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
23	Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 TT. Chơn Thành	Đường Trần Quốc Toàn	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4 Kp 5 (Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63 tờ bản đồ số 103)	1,00
		Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4 Kp 5 (Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63 tờ bản đồ số 103)	Hết tuyến (Hết ranh đất thửa số 18 tờ bản đồ số 23)	1,02
24	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5	Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 102	1,00
25	Đường sỏi đỏ tổ 4 khu phố 5	Đường Điều Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh thửa đất số 19 tờ bản đồ số 103)	1,00
26	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, ấp Hiếu Cảm)	Đường Nguyễn Huệ	Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27)	1,00
		Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27)	Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28)	1,00
27	Đường Trần Quốc Toàn	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điều Ong	1,00
28	Đường Điều Ong	Toàn tuyến		1,00
29	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	1,00
30	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		1,00
31	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11)	1,00
		Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 57 tờ bản đồ số 11)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6)	1,00
32	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 71) Phía Nam: (Hết ranh thửa đất số 68 tờ bản đồ số 71)	1,00
		Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 71) Phía Nam: (Hết ranh thửa đất số 68 tờ bản đồ số 71)	Ngã ba đường liên ấp 2-Kp 2	1,00
33	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		1,00
34	Đường Nguyễn Công Hoan	Toàn tuyến		1,00
35	Đường Phạm Thế Hiển	Toàn tuyến		1,03

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
36	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 2 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa số 126 tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 3)	1,00
		Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa số 126 tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 3)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	1,03
37	Đường Tống Duy Tân	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,00
38	Đường Phan Kế Bính	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,00
39	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 2 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,00
40	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới KP 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64 tờ bản đồ số 65)	1,05
41	Đường Đào Duy Từ	Toàn tuyến		1,00
42	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Toàn tuyến		1,03
43	Đường tổ 9, tổ 10, ấp 3	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa số 29 tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa số 5 tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	1,00
44	Đường tổ 01, tổ 12, ấp 2	Ngã ba đường Hồ Hào Hớn	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	1,00
45	Đường tổ 11, ấp 2	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,00
46	Đường liên ấp 2 - ấp 3	Ngã ba đường tổ 1 ấp 2	Giáp thửa đất số 48 tờ bản đồ số 6	1,00
47	Đường liên ấp 2 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa số 6 tờ bản đồ số 18	1,00
		Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa số 6 tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665 tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748 tờ bản đồ số 11	1,00
48	Đường liên ấp 2 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Đường tổ 1- tổ 12 ấp 2	1,00
49	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	1,00
50	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
51	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 - 10 ấp 3 (Hết ranh thửa đất số 539 tờ bản đồ số 2)	1,00
52	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 29, tờ bản đồ 16)	Đường Hồ Chí Minh	1,10
53	Đường tổ 9, 10, ấp Hiếu Cầm	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	1,00
54	Đường tổ 9, 10, ấp Hiếu Cầm	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39 tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24 tờ bản đồ số 109	1,02
55	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Hiếu	1,00
		Ngã ba hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Hiếu	Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	1,00
		Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	Đường Hồ Chí Minh	1,00
56	Đường tổ 6 ấp Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa số 11 tờ bản đồ số 111	Hết ranh thửa số 1 tờ bản đồ số 111	1,00
57	Đường tổ 6 ấp Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa số 113 tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34 tờ bản đồ số 112	1,00
58	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	1,00
59	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	Giáp ranh đất nhà bà Trần Thị Phiên	1,00
60	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 2)	Hết ranh đất thửa số 49 tờ bản đồ số 44	Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cầm	1,00
61	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cầm (Nhánh 2)	Giáp ranh đất ông Võ Văn Năm	1,00
62	Đường tổ 4, ấp Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22 tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 29	1,00
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22 tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	1,00
63	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
64	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 12, tờ bản đồ 46),	Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	1,00
65	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 102, tờ bản đồ 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	1,00
66	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13)	1,00
67	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 11, tờ bản đồ 14)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	1,00
68	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 23, tờ bản đồ 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561 tờ bản đồ số 15)	1,00
		Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561 tờ bản đồ số 15)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	1,00
69	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	1,00
70	Đường ranh giới thị trấn Chợ Thành – xã Minh Thành	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thức (thửa đất số 02, tờ bản đồ 16)	Đường Cao Bá Quát	1,00
71	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4	Đường Trù Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 130, tờ bản đồ 26)	Ngã ba đường liên kp 4-5-8 (Hết ranh đất nhà bà Đặng Thị Sen)	1,00
72	Đường tổ 3A, khu phố 4	Phía Bắc: Đầu ranh thửa số 34 tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 158, tờ bản đồ 26)	1,00
73	Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 121, tờ bản đồ 25)	Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ 32)	1,00
74	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24 tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa số 20 tờ bản đồ số 32	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
75	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 45 tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447 tờ bản đồ 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99 tờ bản đồ số 31	1,00
		Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447 tờ bản đồ 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99 tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 31)	1,03
76	Đường tổ 7 khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 570 tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa số 575 tờ bản đồ số 32	1,00
77	Đường tổ 7 khu phố 5	Đầu ranh đất thửa số 400 tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa số 422 tờ bản đồ số 32	1,00
78	Đường tổ 4, khu phố 6	Đường 2 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 26)	1,00
79	Đường tổ 4, khu phố 6	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5 KP6	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7 KP6	1,00
80	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6	Đầu ranh đất thửa số 95 tờ bản đồ số 27	Đường tổ 6 - tổ 7 KP6	1,00
81	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6	Đường Nguyễn Huệ	Phía Nam: Hết ranh thửa số 64 tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa 38 tờ bản đồ số 34	1,00
82	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7 KP6 (Đầu ranh đất thửa số 18 tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6 tờ bản đồ số 35	1,00
83	Đường tổ 8 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ (Đầu ranh thửa số 134 tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117 tờ bản đồ số 34	1,00
84	Đường tổ 8 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ (Đầu ranh thửa số 94 tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 34	1,00
85	Đường tổ 9 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 thửa số 58 tờ bản đồ số 34	1,00
86	Đường tổ 9 khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7 thửa số 56 tờ bản đồ số 34	1,00
87	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Thành Tâm	Đường Tô Hiến Thành (Thửa đất số 39, tờ bản đồ 33)	Đất nhà ông Trần Tuấn Vũ (thửa đất số 169, tờ bản đồ số 34)	1,00
88	Đường tổ 7, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ 29)	Suối xóm Hồ (Ranh giới xã Minh Long)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
89	Đường tổ 4, khu phố 8	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30)	Ngã ba đường tổ 9 KP 8 (Hết ranh thửa số 88 tờ bản đồ số 23)	1,00
90	Đường tổ 5, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 07, tờ bản đồ 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	1,00
91	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ 23)	Hết ranh thửa đất số 69 tờ bản đồ số 30	1,00
92	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ 23)	Ranh giới xã Thành Tâm (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	1,00
93	Đường tổ 5 KP 8 (tránh mỏ Cao Lanh)	Đầu thửa số 28 tờ bản đồ số 18	Hết thửa số 29 tờ bản đồ số 25	1,00
94	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4 ấp Hiếu Cầm	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	1,00
95	Đường nhựa, đường bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,00
96	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,00
II	XÃ MINH HƯNG			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Ngã tư giáp ranh đất ông Phạm Văn Hoa (thửa 212 tờ 30)	1,04
		Ngã tư giáp ranh đất ông Phạm Văn Hoa (thửa 212 tờ 30)	Ngã tư đường bê tông hết ranh thửa đất 520 tờ 24	1,04
		Ngã tư đường bê tông hết ranh thửa đất 520 tờ 24	Phía Đông: giáp đường bê tông vào trường THCS Minh Hưng Phía Tây: Giáp đường bê tông ranh giới ấp 2 và ấp 3b	1,04
		Phía Đông: giáp đường bê tông vào trường THCS Minh Hưng Phía Tây: Giáp đường bê tông ranh giới ấp 2 và ấp 3b	Phía Đông: giáp đường bê tông giáp ranh cây xăng Lan Sinh Phía Tây: Đường vào khu Công nghiệp Minh Hưng III	1,03
		Phía Đông: giáp đường bê tông giáp ranh cây xăng Lan Sinh Phía Tây: Đường vào khu Công nghiệp Minh Hưng III	Phía Đông: Đường số 25 (hết ranh KDC Đại Nam) Phía Tây: Hết ranh thửa đất 209 tờ bản đồ số 12	1,04
		Phía Đông: Đường số 25 (hết ranh KDC Đại nam) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 209, tờ bản đồ số 12	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 246, tờ bản đồ số 11)	1,04
		Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 246, tờ bản đồ số 11)	Ranh giới xã Tân Khai - Hớn Quản	1,04



Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	Đường đi trung tâm hành chính huyện	Ngã ba Quốc lộ 13	Phía Nam: đường bê tông vào trường cấp II, III Phía Bắc: Giáp đường nhựa số 21	1,07
		Phía Nam: đường bê tông vào trường cấp II, III Phía Bắc: Giáp đường nhựa số 21	Giáp ranh thị trấn Chơn Thành (ngã tư đường Cao Bá Quát)	1,06
3	Đường Minh Hưng - Minh Thạnh (đoạn vào khu công nghiệp Minh Hưng III)	Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 19	1,05
4	Đường Minh Hưng - Minh Thạnh (đoạn còn lại)	Ngã tư đường số 19	Ngã tư đường số 17 (đến ranh thửa đất ông Phạm Minh Dũng)	1,06
		Ngã tư đường số 17 (đến ranh thửa đất ông Phạm Minh Dũng)	Ranh giới xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	1,06
5	Đường Minh Hưng - Đồng Nơ	Quốc lộ 13	Ngã tư hết đất nông trường cao su Minh Hưng	1,10
	Đường Minh Hưng - Đồng Nơ	Ngã tư hết đất nông trường cao su Minh Hưng	Giáp ranh xã Đồng Nơ huyện Hớn Quản	1,06
6	Đường nhựa số 21	Giáp đường số 33	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1,06
7	Đường nhựa số 19	Giáp đường số 58	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất 87 tờ bản đồ 30)	1,04
8	Đường Minh Hưng - Tân Quan	Đường Nguyễn Văn Linh	Ngã tư (hết ranh thửa đất 194 tờ bản đồ 31)	1,05
	Đường Minh Hưng - Tân Quan	Ngã tư (hết ranh thửa đất 194 tờ bản đồ 31)	Giáp ranh xã Tân Quan	1,06
9	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	QL 13	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06
		Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới xã Minh Thành	1,05
		QL 13	Đường đất hết ranh đất thửa số 458 tờ bản đồ số 30	1,06
		Đường đất hết ranh đất thửa số 458 tờ bản đồ số 30	Hết ranh đất thửa số 118 tờ bản đồ số 28	1,05
10	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,08
11	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,11

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
12	Đường KDC Đại Nam			
	Đường số 14	Cổng chào KDC Đại Nam (Giáp QL13)	Hết tuyến	1,07
	Đường số 1	Toàn tuyến		1,06
	Đường số 6,7, 9,10	Toàn tuyến		1,06
	Đường số 4,5,11,17,19	Toàn tuyến		1,05
	Các đường còn lại trong KDC	Toàn tuyến		1,03
III	XÃ THÀNH TÂM			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Đầu đất cty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và QL13 cũ)	1,10
		Đầu đất cty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và QL13 cũ)	Hết đường số 29	1,10
		Hết đường số 29	Cầu Tham Rót	1,10
2	Đường D4	QL13	Giáp ranh thị trấn Chơn Thành	1,10
3	Đường trục chính KCN Chơn Thành	QL 13	Mương thoát nước phía tây KCN Chơn Thành	1,10
4	Đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm	Toàn tuyến		1,10
5	Đường D9	QL 13	Hết tuyến	1,10
6	Đường thâm nhập ấp Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	QL 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119 tờ bản đồ số 22)	1,10
		Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119 tờ bản đồ số 22)	Cổng thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	1,10
		Cổng thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Hết tuyến (Đường đất)	1,10
7	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	QL 13 cũ (Đầu ranh thửa đất số 139 tờ bản đồ số 3)	Hết ranh thửa đất số 100 tờ bản đồ số 3	1,10
8	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	Đầu ranh đất thửa số 1 tờ bản đồ số 1	Đầu ranh đất thửa số 15 tờ bản đồ số 1	1,10
9	Đường giáp ranh Thành Tâm - Thị trấn Chơn Thành	Đầu ranh đất thửa số 65 tờ bản đồ số 2	Đầu ranh đất thửa số 7 tờ bản đồ số 1	1,10
10	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,10
11	Đường ranh giới Thành Tâm - Trừ Văn Thố	Cuối ranh KCN Chơn Thành	Hết tuyến	1,10
12	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
13	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,10
IV	XÃ MINH LONG			
1	ĐT 751	Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh thị trấn Chơn Thành)	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17 Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành	1,04
		Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 5 tờ bản đồ số 17 Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới thị trấn Chơn Thành	Ngã tư đường số 4 và đường số 9	1,00
		Ngã tư đường số 4 và đường số 9	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu)	1,00
		Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu)	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa ấp 3)	1,00
		Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa ấp 3)	Cầu Bà Và (Ranh giới tỉnh Bình Dương)	1,00
2	ĐH 239	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 624, tờ bản đồ số 18 Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 239 và đường số 44	1,00
		Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 624, tờ bản đồ số 18 Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 239 và đường số 44	Hết tuyến	1,00
3	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới thị trấn Chơn Thành)	ĐT 751	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 143 tờ bản đồ số 5)	1,00
		Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 143 tờ bản đồ số 5)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 34 tờ bản đồ số 5)	1,00
4	Đường số 29	HLLG đường ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường đất (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 103, tờ bản đồ số 09	1,00
		Phía Tây: Ngã ba hết ranh đất nhà ông Nhân (thửa số 51 tờ bản đồ số 9) Phía Đông: Hết ranh đất thửa số 103 tờ bản đồ số 9	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 04 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 107, tờ bản đồ số 04	1,00
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 04 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 107, tờ bản đồ số 04	Ranh giới xã Minh Hưng	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
5	Đường số 19	HLLG đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 349, tờ bản đồ số 09 Phía Đông: Ngã ba đường song hành (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	1,00
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 349, tờ bản đồ số 09 Phía Đông: Ngã ba đường song hành (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 05 Phía Đông: Hết ranh đất công ty Cao lanh Phúc Lộc Thọ (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05)	1,00
		Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 05 Phía Đông: Hết ranh đất công ty Cao lanh Phúc Lộc Thọ (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 05)	Ranh giới xã Minh Hưng	1,03
6	Đường số 2	ĐT 751	Đường 239	1,00
7	Đường số 7	ĐT 751	Phía Tây: Hết thửa đất số 155 tờ bản đồ số 5 Phía Đông: Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 5	1,00
		Phía Tây: Hết thửa đất số 155 tờ bản đồ số 5 Phía Đông: Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 5	Ranh giới xã Minh Hưng	1,03
8	Đường số 14	ĐT 751	Đường 239	1,00
9	Đường số 36	ĐT 751	Ngã tư đường số 40	1,00
		Ngã tư đường số 40	Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 18 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18)	1,00
		Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 18 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 18)	Đường DH 239	1,00
10	Đường số 38	ĐT 751	Ngã ba đường số 40	1,00
		Đoạn còn lại		1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
11	Đường số 41	ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 07 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08)	1,00
		Phía Tây: Ngã ba đường (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 07 Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08)	Ranh thửa đất số 01 tờ bản đồ số 08	1,00
12	Đường số 45	ĐT 751	Ngã tư thửa đất số 37 tờ bản đồ số 7	1,00
		Đoạn đường nhựa còn lại		1,00
13	Đường số 51	Đường số 45	Hết ranh thửa đất số 09, tờ số 08 (hết đường nhựa)	1,00
14	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,00
15	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,03
V	XÃ MINH THÀNH			
1	Đường DT 751 (Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới thị trấn Chơn Thành	Hết đường vào Cổng chính khu Công Nghiệp Becamex	1,10
		Hết đường vào Cổng chính khu Công Nghiệp Becamex	Ngã tư đường N2	1,10
		Ngã tư đường N2	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	1,10
2	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,10
3	Đường liên xã Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đảo (thửa 16, tờ 28)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa 198, tờ 33)	1,10
		Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa 198, tờ 33)	Ranh giới xã An Long, Phú Giáo, Bình Dương	1,10
4	Đường nhựa Minh Thành- Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa- Ranh giới tỉnh Bình Dương	1,10
5	Đường nhựa ấp 3 -ấp 5	ĐT 751 (QL 14 cũ)	Ngã 4 đường đất đỏ ấp 5, xã Minh Thành	1,10
6	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành	ĐT 751 (QL 14 cũ)	Đường Hồ Chí Minh	1,10
7	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,10
8	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VI	XÃ NHA BÍCH			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Minh Thành (Cầu Suối Ngang)	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 24) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa số 89, tờ bản đồ số 24)	1,03
		Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 24) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa số 89, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	1,01
		Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 18 (Trạm xăng dầu Mai Linh) Phía Đông Nam: Suối cạn (thửa số 39, tờ bản đồ số 18)	1,08
		Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 18 (Trạm xăng dầu Mai Linh) Phía Đông Nam: Suối cạn (thửa số 39, tờ bản đồ số 18)	Giáp ranh xã Minh Thắng	1,04
2	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - nhựa)	Quốc lộ 14	Hết ranh đất bà Hồ Thị Vinh (ngã ba đường nhựa)	1,04
	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - đường đất)	Hết ranh đất bà Hồ Thị Vinh (ngã ba đường nhựa)	Ranh giới xã Tân Quan, huyện Hớn Quản	1,00
3	Huyện lộ ĐH 13	Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường bê tông (thửa số 25, tờ bản đồ số 22) Phía Đông: Đường bê tông (thửa số 24, tờ bản đồ số 22)	1,00
		Phía Tây: Đường bê tông (thửa số 25, tờ bản đồ số 22) Phía Đông: Đường bê tông (thửa số 24, tờ bản đồ số 22)	Ngã ba nhà văn hóa ấp 6	1,00
4	Đường Minh Thành- Bàu Nàm	Quốc lộ 14	Hết ranh khu TĐC 10 ha	1,10
		Hết ranh khu TĐC 10 ha	Giáp ranh xã Minh Thành	1,10
5	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,04
6	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,04

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VII	XÃ MINH THẮNG			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nha Bích (Cầu lò gạch)	Phía Đông Nam: đường vào nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa số 07, tờ bản đồ số 22)	1,12
		Phía Đông Nam: đường vào nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa số 07, tờ bản đồ số 22)	Phía Nam: Đường nhựa (thửa số 211, tờ bản đồ số 18) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa số 57, tờ bản đồ số 22)	1,10
		Phía Nam: Đường nhựa (thửa số 211, tờ bản đồ số 18) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa số 57, tờ bản đồ số 22)	Ranh giới xã Minh Lập	1,07
2	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Khai - đường đất)	Ranh giới xã Nha Bích	Hết tuyến (thửa đất số 77 tờ bản đồ số 07)	1,10
3	Huyện lộ ĐH 13	Ranh giới xã Nha Bích	Hết tuyến (thửa đất số 38 tờ bản đồ số 29)	1,11
4	Đường liên xã Minh Thắng - Quang Minh	Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Giáp ranh xã Quang Minh	1,10
5	Đường ấp 1 - Tân Quan, Quang Minh	Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Giáp ranh xã Quang Minh - xã Tân Quan	1,10
6	Đường Minh Lập - Minh Thắng - Nha Bích	Giáp ranh xã Minh Lập (Từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đông)	Giáp ranh xã Nha Bích (Đường DH 13)	1,11
7	Đường nhựa ấp 2	Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	Hết đường nhựa: - Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa 55 tờ 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa 21 tờ 16)	1,11
8	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,07
9	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VIII	XÃ MINH LẬP			.
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Minh Thắng (cầu suối Dung)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 14) Phía Nam: Ngã ba đường liên xã Minh Lập - xã Minh Thắng	1,10
		Phía Bắc: Ngã đường bê tông (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 14) Phía Nam: Ngã ba đường liên xã Minh Lập - xã Minh Thắng	Ngã tư (thửa đất số 311, tờ bản đồ số 14)	1,10
		Ngã tư (thửa đất số 311, tờ bản đồ số 14)	Ngã tư (thửa đất số 428, tờ bản đồ số 14)	1,10
		Ngã tư (thửa đất số 428, tờ bản đồ số 14)	Ngã tư khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích (thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19)	1,10
		Ngã tư khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích (thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19)	Giáp ranh thành phố Đồng Xoài (Cầu Nha Bích)	1,10
2	Đường ĐT 756	Tiếp giáp QL 14	Phía Tây: Cổng trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 12) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 12)	1,10
		Phía Tây: Cổng trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 12) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 12)	1,10
		Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 12)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và ĐT 756C)	1,10
		Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	1,10
3	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường DT 756 và DT 756C	Ranh giới xã Quang Minh	1,10
4	Đường liên xã Minh Lập - Minh Thắng	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Minh Thắng	1,10
5	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,10
6	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
IX	XÃ QUANG MINH			
1	Đường tỉnh ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan, huyện Hớn Quản	Hết ranh thửa đất số 469, tờ bản đồ số 04	1,01
		Hết ranh thửa đất số 469, tờ bản đồ số 04	Ngã ba đường đất (thửa đất số 947, tờ bản đồ số 04)	1,01
		Ngã ba đường đất (thửa đất số 947, tờ bản đồ số 04)	Ranh giới xã Minh Lập	1,02
2	Đường liên xã Quang Minh - Phước An	Ngã ba UBND xã Quang Minh	Phía Bắc: Hết ranh đất Bưu điện xã (thửa đất số 450, tờ bản đồ số 04) Phía Nam: Ngã ba đường đất (thửa số 597, tờ bản đồ số 04)	1,00
		Phía Bắc: Hết ranh đất Bưu điện xã (thửa đất số 450, tờ bản đồ số 04) Phía Nam: Ngã ba đường đất (thửa số 597, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh đất Nông Trường cao su Xa Trạch	1,00
3	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,00
4	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,01

5. HUYỆN HƠN QUẢN

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN TÂN KHAI			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới thị trấn Tân Khai-Thanh Bình	Trạm thu phí	1,05
		Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	1,05
		Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	1,05
		Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới Hớn Quản - Chơn Thành	1,05
2	Trục Chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Đông Tây 10	Ngã 4 giao đường Đông Tây 7	1,00
		Ngã 4 giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã 5 giao đường Đông Tây 15	1,05
		Đoạn còn lại		1,05
3	Bắc Nam 1	Toàn tuyến		1,05
4	Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		1,05
5	Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		1,05
6	Bắc Nam 2	Toàn tuyến		1,05
7	Bắc Nam 3	Toàn tuyến		1,05
8	Bắc Nam 4	Toàn tuyến		1,05
9	Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		1,00
10	Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		1,00
11	Bắc Nam 5	Toàn tuyến		1,05
12	Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,00
13	Bắc Nam 5b	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,00
14	Bắc Nam 5c	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,00
15	Bắc Nam 6	Toàn tuyến		1,00
16	Bắc Nam 7	Toàn tuyến		1,00
17	Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
18	Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	1,05
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 4 giao đường Bắc Nam 7	1,05
19	Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp Bắc Nam 1	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	1,05
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	1,05
20	Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	1,05
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	1,05
21	Đông Tây 4	Toàn tuyến		1,00
22	Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	1,00
23	Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,00
24	Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,00
25	Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 3 giao với đường Bắc Nam 7	1,05
26	Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	1,05
27	Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba giao đường trục chính Bắc Nam	1,05
28	Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	1,05
29	Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	1,05
		Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 4 giao với đường Bắc Nam 7	1,00
30	Đông Tây 8	Toàn tuyến		1,00
31	Đông Tây 9	Toàn tuyến		1,00
32	Đông Tây 10	Toàn tuyến		1,00
33	Đông Tây 11	Toàn tuyến		1,05
34	Đông Tây 12	Toàn tuyến		1,04
35	Đông Tây 13	Toàn tuyến		1,04
36	Đông Tây 14	Toàn tuyến		1,04

33

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
37	Đông Tây 15	Ngã ba giao QL13	Vòng xoay ngã 5 giao đường xã đi Đồng Nơ	1,05
		Đoạn còn lại		1,05
38	Đông Tây 16	Toàn tuyến		1,05
39	Đông Tây 17	Toàn tuyến		1,00
40	ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Cụm công nghiệp Lê Vy	1,05
		Cụm công nghiệp Lê Vy	Cầu bà Hô giáp ranh Tân Quan	1,05
41	ĐT 756B	Ngã 4 giao đường Đông Tây 1 và Bắc Nam 7	Giáp ranh xã Đồng Nơ	1,05
42	Đường vào KCN Tân Khai 2	Giáp QL13	Cách QL 13 vào 300m	1,00
		Cách QL 13 vào 300m	KCN Tân Khai 2	1,00
43	Đường vành đai	ĐT 756C	Ngã tư đường vào cầu huyện ủy	1,05
44	Đường liên ranh khu phố 1-2	Thửa đất nằm trong phạm vi từ 0-200m không tiếp giáp QL13		1,05
		Cách QL 13 200m	Đường vành đai	1,05
		Đường vành đai	Hết tuyến	1,05
45	Đường khu phố 2-9	Thửa đất nằm trong phạm vi từ 0-200m không tiếp giáp QL13		1,05
		Cách QL 13 200m	Đường vành đai	1,05
		Đường vành đai	Hết tuyến	1,05
46	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,04
47	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,03
II	XÃ AN KHƯƠNG			
1	ĐT 757	Cầu ranh giới An Khương - Thanh Lương	Cổng giáp Thanh An	1,00
2	Đường liên xã	Ngã 3 ấp 5 Xa Cô (Tờ 29 thửa 152)	Trạm y tế xã (Tờ 29 thửa 05)	1,00
3	Ngã ba đi Lòng Hồ	Ngã ba xã (Tờ 23 thửa 781)	Cổng số 1 ấp 3 (Tờ 23 thửa 445)	1,00
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
III	XÃ AN PHÚ			
1	Đường nhựa liên xã	Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 7 (Nhà ông Cao Tấn Kiệt)	1,00
		Ngã ba phố Lố	Giáp ranh xã Thanh Phú- Bình Long	1,20
		Ngã ba phố Lố	Giáp ranh xã Thanh Lương- Bình Long	1,20
2	ĐT 754C (QL 14C)	Ngã tư Tiến Toán	Cầu Cản Lê 2 (Huyện Lộc Ninh)	1,00
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,10
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,20
IV	XÃ ĐỒNG NƠ			
1	ĐT 756B (Đường huyện 245)	Ngã 3 đoạn giáp ranh thị trấn Tân Khai - Minh Đức - Đồng Nơ	Điểm cuối Văn phòng ấp 3 (tờ 22 thửa 117)	1,05
		Điểm cuối Văn phòng ấp 3 (tờ 22 thửa 117)	Điểm cuối nhà ông Mai Viết Huê (tờ 27 thửa 08)	1,05
		Điểm cuối nhà ông Mai Viết Huê (tờ 27 thửa 08)	cổng Nông trường 425	1,03
2	ĐT 752B (Đường Minh Hưng - Đồng Nơ)	Giáp ranh xã Minh Hưng	Đường 756B	1,00
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,05
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,05
V	XÃ MINH ĐỨC			
1	ĐH 246	Ngã ba T& T (tờ 24, thửa 229)	Hết ranh đất ông Luật (giáp ranh xã Minh Tâm) (tờ 15, thửa 59)	1,00
2	Đường đất trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (tờ 24, thửa 635)	1,00
		Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Tăng (tờ 24, thửa 700)	1,00
		Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Thực (tờ 24, thửa 328)	1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
3	Đường liên xã Đồng Nơ - Minh Đức	UBND xã Minh Đức	Ngã ba Hương Cường (tờ 28, thửa 22)	1,00
4	Lộ đal ấp 2	Đầu ranh đất bà Tư Khuôn (tờ 28, thửa 34)	Cầu Sắt Chà Lon (tờ 28)	1,00
5	Lộ đal ấp 3	Đầu ranh đất ông Thanh (tờ 28, thửa 21)	Hết ranh đất ông Hưng (tờ 28, thửa 122)	1,00
6	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
7	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00
VI	XÃ MINH TÂM			
1	ĐT 752	Giáp ranh phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	Điểm đầu cây xăng Phúc Thịnh (tờ 1 thửa 132)	1,04
		Điểm đầu cây xăng Phúc Thịnh (tờ 1 thửa 132)	Ngã 3 giao đường ĐT 754C (14C)	1,00
		Ngã 3 giao đường ĐT 754C (14C)	Giáp sông Sài Gòn	1,00
2	ĐT 754C (Đường 14C)	Ngã ba Hòa Đào	Ngã tư nhà máy xi măng	1,00
		Ngã tư nhà máy xi măng	Giáp ranh xã An Phú	1,00
3	ĐH 246	Ngã ba trường tiểu học Minh Tâm	Giáp ranh xã Minh Đức	1,00
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00
VII	XÃ PHƯỚC AN			
1	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Thanh Bình	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn	1,00
		Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn	Ngã 3 Sở - Líp đi Tân Quan	1,00
		Ngã 3 Sở - Líp đi Tân Quan	Giáp ranh xã Tân Lợi	1,00
2	Đường liên xã	Ngã ba Sở- Líp	Giáp ranh xã Tân Quan	1,00
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
VIII	XÃ TÂN HIỆP			
1	ĐT 756B (Đường huyện 245)	Ranh giới xã Đồng Nơ	Cổng Nông trường 425	1,00
		Cổng Nông trường 425	Nhà thờ Tân Hiệp	1,02
		Nhà thờ Tân Hiệp	Đến cầu số 5	1,03
2	Đường xã	Ngã 3 UBND xã Tân Hiệp	Hết ranh đất trường Mầm Non	1,05
		Hết ranh đất trường Mầm Non	Ngã tư quận 1	1,01
3	ĐT 752B	Cổng nông trường 425	Cổng văn phòng 425	1,05
		Cổng văn phòng 425	Giáp ranh xã Minh Đức	1,05
4	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,05
5	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,05
IX	XÃ TÂN HƯNG			
1	ĐT 756	Ngã 3 dốc cà phê (Tờ 32 thửa 55)	Ngã 3 giao đường ĐT 758	1,00
		Ngã 3 đường vào nhà máy 30/4	Cầu suối Cát giáp xã Thanh An	1,00
		Các đoạn còn lại		1,00
2	ĐT 758	Ngã 3 giao đường ĐT 756 (trường THCS Tân Hưng)	Giáp ranh đất cao su nhà nước	1,00
		Các đoạn còn lại		1,00
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00
X	XÃ TÂN LỢI			
1	ĐT 758	Giáp ranh phường Phú Thịnh-Bình Long	Điểm cuối Đài Liệt sỹ (thửa 64 tờ 33)	1,00
		Điểm cuối Đài Liệt sỹ (thửa 64 tờ 33)	Ngã 3 thác số 4	1,00
		Ngã 3 thác số 4	Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	1,00

57

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	Cầu Suối Cát	1,00
		Ngã 3 đi Thanh An (nhà ông Dữ)	Ngã 5 Tân Hưng	1,00
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,00
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00
XI	XÃ TÂN QUAN			
1	ĐT 756C (Đường nhựa liên xã cũ)	Cầu bà Hồ giáp ranh thị trấn Tân Khai	Ranh nhà bà Nguyễn Thị Bích Hồng và ông Huỳnh Văn Lợi (Tờ 20 thửa 122)	1,10
		Ranh nhà bà Nguyễn Thị Bích Hồng và ông Huỳnh Văn Lợi (Tờ 20 thửa 122)	Hết ranh thửa đất bà Lưu Thị Na (tờ 12 thửa 103)	1,10
		Hết ranh thửa đất bà Lưu Thị Na (tờ 12 thửa 103)	Giáp ranh xã Quang Minh	1,10
2	ĐT 756B	ĐT 756C	Đến hết ranh trường tiểu học Xa Lách	1,20
		Đến hết ranh trường tiểu học Xa Lách	Giáp ranh xã Nha Bích	1,15
3	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1	Ngã ba Xa Lách	1,20
4	Đường liên xã Tân Quan- Minh Thắng	Toàn tuyến		1,10
5	Đường liên xã Tân Quan- Minh Hưng	Toàn tuyến		1,15
6	Đường liên xã Tân Quan- Phước An	Toàn tuyến		1,10
7	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,10
8	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,10
XII	XÃ THANH AN			
1	ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (Tờ số 24 thửa số 186)	Điểm cuối thửa 223, tờ bản đồ số 25 (Đất hộ Ông Lê Hoàng Đán)	1,01
		Điểm cuối thửa 223, tờ bản đồ số 25 (Đất hộ Ông Lê Hoàng Đán)	Điểm cuối thửa 290, tờ bản đồ 25 (Hộ Vũ Văn Giới)	1,01
		Điểm cuối thửa 290, tờ bản đồ 25 (Hộ Vũ Văn Giới)	Điểm cuối lò giết mổ heo tập trung (hộ Nguyễn Thị Mộng Trinh) (Tờ 36 thửa 102)	1,01
		Các đoạn còn lại		1,02

36

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
2	ĐT 756	Toàn tuyến		1,02
3	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,04
4	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,02
XIII	XÃ THANH BÌNH			
1	Quốc lộ 13	Ranh giới hai thị trấn Tân Khai - Thanh Bình	Cổng ba miệng (Tờ 43 thửa số 1)	1,07
		Cổng ba miệng (Tờ 43 thửa số 1)	Ranh giới Hớn Quản - TX. Bình Long	1,03
2	Đường liên xã	Ngã 3 Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Phước An	1,03
3	Đường ranh thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản (đi lòng hồ Xa Cát)	QL 13	Hồ Xa Cát	1,05
4	ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp QL13)	Giáp ranh xã Minh Đức	1,04
5	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,04
6	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,00

6. HUYỆN BÙ ĐĂNG

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN ĐỨC PHONG			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đoàn Kết	Ngã 3 nhà ông Năng (Km 980+00)	1,00
		Ngã 3 nhà ông Năng (Km 980+00)	Cầu Bù Đăng (Km 980+700)	1,00
		Cầu Bù Đăng (Km 980+700)	Suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thị) (Km 909+980)	1,00
		Suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thị) (Km 909+980)	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	1,00
		Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Giáp ranh xã Minh Hưng	1,00
2	Đường 14/12	Toàn tuyến		1,00
3	Đường Hùng Vương	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba đường Đường Hai Bà Trưng	1,00
		Ngã ba đường Đường Võ Thị Sáu	Ngã ba giao đường Đường Lê Quý Đôn	1,00
		Ngã ba giao đường Đường Lê Quý Đôn	Cầu Vĩnh Thiện	1,00
4	Đường số 1	Phía bên trái chợ chính		1,00
5	Đường số 2	Phía bên phải chợ chính		1,00
6	Đường số 3	Phía trái chợ phụ		1,00
7	Đường số 4	Phía phải chợ phụ		1,00
8	Đường Lê Lợi	Toàn tuyến		1,00
	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư Quốc lộ 14	Hết ranh Trung tâm chính trị huyện	1,00
		Giáp ranh Trung tâm chính trị huyện	Ngã 3 đường Hùng Vương	1,00
		Ngã tư Quốc lộ 14	Ngã ba Đường Trần Hưng Đạo	1,00
10	Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		1,00